

Số: 13/NQ-HĐND

Tri Tôn, ngày 05 tháng 7 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Điều chỉnh, bổ sung vốn và danh mục chi tiết công trình sử dụng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 nguồn vốn ngân sách trung ương và nguồn vốn ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Tri Tôn

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ 9 (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách trung ương và nguồn ngân sách địa phương thực hiện

Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 902/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 nguồn vốn ngân sách trung ương và nguồn vốn ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang;

Xét Tờ trình số 87/TTr-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện về việc dự thảo Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung vốn và danh mục chi tiết công trình sử dụng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 nguồn vốn ngân sách trung ương và nguồn vốn ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Tri Tôn; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất điều chỉnh, bổ sung vốn và danh mục chi tiết công trình sử dụng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 nguồn vốn ngân sách trung ương và nguồn vốn ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Tri Tôn, như sau:

1. Tổng vốn điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn vốn ngân sách trung ương và nguồn vốn ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Tri Tôn là 102.503 triệu đồng tăng 61.568 triệu đồng. Trong đó:

+ Nguồn vốn ngân sách trung ương là 93.185 triệu đồng tăng 55.971 triệu đồng.

+ Nguồn vốn ngân sách tỉnh là 9.318 triệu đồng tăng 5.597 triệu đồng.

+ Đối với nguồn vốn ngân sách huyện đối ứng thực hiện chương trình, Ủy ban nhân dân huyện bố trí, cân đối trong kế hoạch tài chính, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 5 năm để thực hiện nội dung thuộc chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung danh mục chi tiết công trình sử dụng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 nguồn vốn ngân sách trung ương và nguồn vốn ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Tri Tôn, như sau:

Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế xã hội huyện nghèo.

Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế xã hội huyện nghèo là 40.935 triệu đồng (trong đó: ngân sách trung ương là 37.214 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 3.721 triệu đồng).

Tiểu dự án 2: Triển khai Đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022 - 2025 do Thủ tướng Chính phủ phê

duyet là 61.568 triệu đồng (trong đó: ngân sách trung ương là 55.971 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 5.597 triệu đồng)

(Danh mục chi tiết theo phụ lục đính kèm)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân huyện quyết định phân bổ vốn và danh mục chi tiết công trình sử dụng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 nguồn vốn ngân sách trung ương và nguồn vốn ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Tri Tôn.

Trong quá trình thực hiện, trường hợp có phát sinh điều chỉnh, thay đổi danh mục công trình năm 2023, Ủy ban nhân dân huyện kịp thời báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân huyện và trình Hội đồng nhân dân huyện quyết định ở kỳ họp gần nhất.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Tri Tôn khóa XII, kỳ họp thứ 9 (chuyên đề) thông qua ngày 05 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh,
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Tài chính;
- Sở Lao động-TB&XH;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Cơ quan, ban ngành, đoàn thể cấp huyện;
- Thường trực HĐND, UBND cấp xã;
- Cổng thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT, Duy.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Phương Lan



PHỤ LỤC

BIỂU CHỈNH, BỔ SUNG VỐN VÀ DANH MỤC CÔNG TRÌNH SỬ DỤNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023
 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG VÀ NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU
 QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN TRI TÔN

Đính kèm Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân huyện Tri Tôn

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế (m)	Thời gian KC-HT	Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025					Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 (theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 và Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 17/02/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Tri Tôn)			Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 (theo Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 17/03/2023 của Hội đồng nhân dân huyện)			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023			Tăng, giảm (+,-)	Chủ đầu tư	Giá chi	
					Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (NSTW+NST)	Trong đó:		Ngân sách huyện	Tổng số (NSTW+NST)	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Tổng số (NSTW+NST)	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Tổng số (NSTW+NST)	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh				
							Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh														Ngân sách Trung ương
1	2	3	4	5	6=7+10	7=8+9	8	9	10	11=12+13	12	13	14=15+16	15	16	17=18+19	18	19	20=17-14	21	22	
	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế xã hội huyện nghèo.				243.595	236.184	214.713	21.471	7.411	58.885	53.532	5.353	40.935	37.214	3.721	102.503	93.185	9.318	61.568			
1	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội				155.641	148.230	134.755	13.475	7.411	58.885	53.532	5.353	40.935	37.214	3.721	40.935	37.214	3.721	0			
1	Bê tông xi măng đường liên xã, xã Lạc Quới - xã Vĩnh Phước	xã Lạc Quới - xã Vĩnh Phước	2.079	2022-2024	14.091	13.420	12.200	1.220	671	4.500	4.091	409	2.447	2.225	222	2.447	2.225	222	0	Ban Quản lý DA DTND khu vực huyện		
2	Nâng cấp hạ tầng đường giao thông liên xã, xã Lạc Quới - xã Lê Trì	xã Lạc Quới - xã Lê Trì	1.371	2022-2024	4.866	4.634	4.213	421	232	2.178	1.980	198	3.067	2.788	279	2.456	2.233	223	-611	Ban Quản lý DA DTND khu vực huyện		
3	Bê tông xi măng đường liên xã, xã Vĩnh Phước - xã Lương Phi	xã Vĩnh Phước - xã Lương Phi	4.400	2022-2024	25.189	23.990	21.809	2.181	1.199	9.405	8.550	855	2.883	2.621	262	3.495	3.177	318	612	Ban Quản lý DA DTND khu vực huyện		
4	Bê tông xi măng đường liên xã, xã An Túc - xã Lương Phi	xã An Túc - xã Lương Phi	4.970	2022-2024	25.165	23.967	21.788	2.179	1.198	9.232	8.393	839	2.708	2.462	246	2.708	2.462	246	0	Ban Quản lý DA DTND khu vực huyện		
5	Nâng cấp đường liên xã, xã Núi Tô - xã An Túc	xã Núi Tô - xã An Túc	2.253	2022-2024	13.460	12.819	11.654	1.165	641	7.267	6.606	661	1.098	998	100	1.620	1.473	147	522	Ban Quản lý DA DTND khu vực huyện		
6	Bê tông xi măng đường liên xã thị trấn Ba Chúc - xã Lê Trì (Đoạn Sóc Túc)	Thị trấn Ba Chúc - xã Lê Trì	2.436	2022-2024	14.073	13.402	12.184	1.218	671	4.762	4.329	433	2.705	2.459	246	2.705	2.459	246	0	Ban Quản lý DA DTND khu vực huyện		
7	Nâng cấp đường liên xã Tây Kênh 13 thị trấn Cồ Tô - xã Núi Tô	Thị trấn Cồ Tô - xã Núi Tô	4.576	2022-2024	8.865	8.443	7.675	768	422	2.972	2.702	270	2.471	2.246	225	2.471	2.246	225	0	Ban Quản lý DA DTND khu vực huyện		
8	Nâng cấp đường giao thông, cơ sở hạ tầng liên xã, xã Ô Lám - thị trấn Cồ Tô	xã Ô Lám - thị trấn Cồ Tô	507	2022-2024	1.602	1.526	1.387	139	76	1.089	990	99	437	397	40	437	397	40	0	Ban Quản lý DA DTND khu vực huyện		
9	Nâng cấp đường liên xã, xã Lương An Trà - xã Vĩnh Phước	xã Lương An Trà - xã Vĩnh Phước	5.472	2022-2024	10.965	10.443	9.494	949	522	3.135	2.850	285	2.315	2.105	210	2.316	2.105	211	1	Ban Quản lý DA DTND khu vực huyện		
10	Nâng cấp đường liên xã bờ Tây kênh 10 xã Tân Tuyên - thị trấn Cồ Tô	xã Tân Tuyên - thị trấn Cồ Tô	2.625	2022-2024	5.580	5.314	4.831	483	266	1.920	1.745	175	3.394	3.086	308	3.394	3.086	308	0	Ban Quản lý DA DTND khu vực huyện		
11	Nâng cấp đường liên xã, xã Châu Lăng - thị trấn Tri Tôn	xã Châu Lăng - thị trấn Tri Tôn	2.372	2022-2024	8.854	8.433	7.666	767	421	5.473	4.975	498	2.960	2.691	269	2.960	2.691	269	0	Ban Quản lý DA DTND khu vực huyện		
12	Nâng cấp, mở rộng đường nhánh liên xã, xã Châu Lăng - xã Lương Phi	xã Châu Lăng - xã Lương Phi	1.927	2022-2024	4.176	3.978	3.616	362	198	1.547	1.406	141	2.600	2.364	236	2.431	2.210	221	-169	Ban Quản lý DA DTND khu vực huyện		
13	Nâng cấp bê tông xi măng đường liên xã, xã Châu Lăng - thị trấn Tri Tôn - xã Núi Tô	xã Châu Lăng - thị trấn Tri Tôn - xã Núi Tô	1.787	2022-2024	10.395	9.900	9.000	900	495	3.663	3.330	333	5.276	4.796	480	5.276	4.796	480	0	Ban Quản lý DA DTND khu vực huyện		
14	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông liên xã Kênh 11 xã Tà Dành - xã Tân Tuyên	xã Tà Dành - xã Tân Tuyên	2.137	2022-2024	5.238	4.988	4.535	453	250	661	601	60	4.586	4.169	417	4.327	3.934	393	-259	Ban Quản lý DA DTND khu vực huyện		
15	Nâng cấp đường giao thông liên xã, xã Châu Lăng - xã Lương Phi	xã Châu Lăng - xã Lương Phi	1.158	2022-2024	3.122	2.973	2.703	270	149	1.081	983	98	1.988	1.807	181	1.892	1.720	172	-96	Ban Quản lý DA DTND khu vực huyện		
II	Tiểu dự án 2: Triển khai Đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022 - 2025 do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt				87.954	87.954	79.958	7.996								61.568	55.971	5.597	61.568			
1	Nâng cấp, mở rộng đường liên xã nối dải xã Núi Tô - thị trấn Tri Tôn	xã Núi Tô - thị trấn Tri Tôn	5.240m	2023-2024	20.699	20.699	18.817	1.882								14.393	13.084	1.309	14.393	Ban Quản lý DA DTND khu vực huyện		
2	Bê tông xi măng đường nhánh liên xã, xã Tà Dành - xã Tân Tuyên	xã Tà Dành - xã Tân Tuyên	5.925m	2023-2024	20.061	20.061	18.237	1.824								14.391	13.083	1.308	14.391	Ban Quản lý DA DTND khu vực huyện		
3	Đường liên xã cấp kênh Tân giám (xã Lương Phi-xã Châu Lăng- thị trấn Tri Tôn)	xã Lương Phi - xã Châu Lăng- thị trấn Tri Tôn	5.800m	2023-2024	26.183	26.183	23.803	2.380								18.392	16.720	1.672	18.392	Ban Quản lý DA DTND khu vực huyện		
4	Bê tông xi măng đường liên xã từ TL 943 xã Tân Tuyên - xã Tà Dành	xã Tân Tuyên - xã Tà Dành	6.220m	2023-2024	21.011	21.011	19.101	1.910								14.392	13.084	1.308	14.392	Ban Quản lý DA DTND khu vực huyện		